

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/DS-ST

Ngày: 29-8-2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Bá Đức

2. Ông Phạm Văn Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 141/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 278/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2022 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Lê Văn H**, sinh năm 1968 và bà **Lê Thị Đ**, sinh năm 1974. Cùng cư trú: Ấp T, xã C, huyện M, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1993, địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện C, tỉnh B (Văn bản ủy quyền ngày 08/4/2022).

2. *Bị đơn:* Bà **Trần Ngọc H1**, sinh năm 1952; Nơi cư trú: Ấp K, xã N, huyện M, tỉnh B.

Anh H có mặt, bà H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của ông Lê Văn H và bà Lê Thị Đ, tại bản khai và tại phiên tòa anh Nguyễn Thanh H trình bày:

Ngày 26/02/2021 âm lịch nhằm ngày 07/4/2021 dương lịch, ông H và bà Đ có cho bà Trần Ngọc H1 vay số tiền gốc là 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng tính từ ngày 26/02/2021 âm lịch nhằm ngày 07/4/2021 dương lịch, lãi suất vay là 5%/tháng. Nội dung thỏa thuận giữa hai bên không có lập thành hợp đồng công chứng chứng thực, hai bên chỉ lập giấy viết tay là tờ giấy tập học sinh có nội dung bắt đầu là “hôm nay là ngày 26/2 Âm 2021” và nội dung kết thúc là “Bác Hai sỹ gái Trần Ngọc H1” mà nguyên đơn đã nộp cho Tòa án. Nội dung của tờ giấy viết tay này là do ông H viết, bà H1 có ký xác nhận bên dưới tờ giấy với nội dung “Bác Hai sỹ gái Trần Ngọc H1”. Ông H và bà Đ đã giao đủ số tiền vay 100.000.000 đồng cho bà H1 nhận vào ngày 26/02/2021 âm lịch. Sau khi vay tiền thì bà H1 có trả được 03 tháng tiền lãi cho ông H và bà Đ như đã thỏa thuận. Khi hết thời hạn vay thì ông H và bà Đ nhiều lần yêu cầu bà H1 trả nợ vay gốc nH1 bà H1 không thực hiện, cũng không trả tiền lãi chậm trả. Nay ông H và bà Đ yêu cầu bà H1 có nghĩa vụ trả cho ông H và bà Đ số tiền nợ vay gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 08/7/2021 đến nay 08/8/2022 theo mức lãi suất 0,83%/tháng với số tiền là 10.790.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/7/2022 bà Trần Ngọc H1 trình bày:

Ngày 26/12/2020 âm lịch bà H1 có vay của ông H và bà Đ số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng, thời hạn vay là ba tháng tính từ ngày 26/12/2020 âm lịch, lãi suất vay là 5.000.000 đồng mỗi tháng, đóng lãi hàng tháng. Ông H và bà Đ đã giao đủ số tiền vay gốc cho bà H1 vào ngày 26/12/2020 âm lịch. Hai bên không làm hợp đồng vay mà chỉ viết giấy tay nhận nợ là tờ giấy tập học sinh có nội dung bắt đầu là “hôm nay là ngày 26/0A6l 2021” và nội dung kết thúc là “Bác Hai sỹ gái Trần Ngọc H1” mà ông H và bà Đ đã nộp cho Tòa án. Chữ viết có nội dung “Bác Hai sỹ gái Trần Ngọc H1” là do bà H1 viết, các nội dung còn lại cho ông H viết, khi bà H1 ký tên vào tờ giấy nhận nợ này thì không có đọc lại nội dung nên không viết ông H viết nội dung gì. Sau khi vay tiền thì bà H1 có đóng lãi từ ngày 26/01/2021 âm lịch đến 26/7/2021 âm lịch mỗi tháng đóng số tiền là 5.000.000 đồng, từ ngày 26/7/2021 âm lịch đến ngày 26/8/2021 âm lịch đóng số tiền 3.000.000 đồng, tổng cộng là 38.000.000 đồng. Sau đó thì không đóng nữa, cũng không trả được tiền vay gốc. Ngoài ra bà H1 không có vay của ông H, bà Đ khoản vay nào khác. Bà H1 xác định hiện còn nợ ông H và bà Đ số tiền nợ vay gốc là 100.000.000 đồng, đồng ý trả số tiền này cho ông H và bà Đ nH1 do hoàn cảnh kinh tế gia đình đang khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi tất nợ và xin không trả lãi. Đối với số tiền lãi mà bà đã đóng cho ông H, bà Đ thì bà không có yêu cầu gì đối với số tiền này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm cho rằng: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự

thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Ngọc H1 có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn H và bà Lê Thị Đ số tiền nợ vay gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 08/7/2021 đến ngày 08/8/2022 .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Lê Văn H và bà Lê Thị Đ khởi kiện yêu cầu bà Trần Ngọc H1 có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Trần Ngọc H1 có địa chỉ nơi cư trú tại xã N, huyện M, tỉnh B. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Về việc vắng mặt của bị đơn: Bà Trần Ngọc H1 có xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà H1 theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu trả nợ vay của nguyên đơn: Xét yêu cầu, ý kiến của các đương sự cho thấy giữa ông H, bà Đ với bà H1 có giao dịch vay tài sản; giữa các đương sự đã thống nhất xác nhận hiện bà H1 còn nợ ông H và bà Đ số tiền nợ vay gốc là 100.000.000 đồng, bà H1 đồng ý trả số tiền nợ này theo yêu cầu của ông H và bà Đ. Đây được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H và bà Đ, buộc bà H1 có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay gốc là 100.000.000 đồng cho ông H và bà Đ.

[2.2] Xét yêu cầu trả lãi của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử nhận thấy: Chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp là tờ giấy tập học sinh có nội dung bắt đầu là “hôm nay là ngày 26/01 âm 2021” và nội dung kết thúc là “Bác Hai sỹ gái Trần Ngọc H1” được bà H1 thừa nhận đây là tờ giấy thỏa thuận nhận nợ vay giữ bà và ông H, bà Đ, chữ viết “Bác Hai sỹ gái Trần Ngọc H1” là do bà viết nH1 bà H1 cho rằng ngày vay tiền là ngày 26/12/2020 âm lịch, lời trình bày này của bà H1 không được nguyên đơn thừa nhận, bà H1 cũng không đưa ra

được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của bà là có căn cứ. Nội dung của tờ giấy nhận nợ được hai bên thừa nhận thể hiện ngày vay là ngày 26/02/2021 âm lịch, các bên thống nhất thời hạn vay là 03 tháng tính từ ngày vay. Từ đó có cơ sở xác định ngày bà H1 vay tiền của ông H và bà Đ là ngày 26/02/2021 âm lịch nhằm ngày 07/4/2021 dương lịch, thời hạn vay là 03 tháng.

Nguyên đơn thừa nhận sau khi vay bà H1 có đóng lãi được 03 tháng, sau đó thì không trả nợ gốc và cũng không đóng lãi; bà H1 trình bày có đóng lãi từ ngày 26/01/2021 âm lịch đến ngày 21/8/2021 âm lịch với số tiền là 38.000.000 đồng; lời trình bày này của bà H1 không được nguyên đơn thừa nhận, bà H1 cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của bà là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận lời trình bày của bà H1. Từ những nhận định trên có cơ sở xác định bà H1 có đóng lãi cho ông H, bà Đ từ ngày 26/02/2021 âm lịch đến ngày 26/4/2021 âm lịch (nhằm ngày 07/7/2021 dương lịch), ngày bà H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 08/7/2021 dương lịch.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên số nợ vay gốc 100.000.000 đồng, theo mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 08/7/2021 đến ngày 08/8/2022. Hội đồng xét xử xét thấy: Như nhận định trên, có căn cứ xác định ngày vay tiền là ngày 26/02/2021 âm lịch nhằm ngày 07/4/2021 dương lịch, thời hạn vay là 03 tháng, ngày 08/7/2021 là đến hạn trả nợ nH1 đến nay bị đơn không trả nợ vay gốc cho nguyên đơn theo thỏa thuận nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm trả tiền kể từ ngày 08/7/2021 đến ngày 08/8/2022 là phù hợp. Mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Cụ thể, chấp nhận tính tiền lãi từ ngày 08/7/2021 đến 08/8/2022 như sau: $100.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 13 \text{ tháng} = 10.790.000 \text{ đồng}$.

[2.3] Về thời hạn trả nợ: Bà H1 yêu cầu được trả dần số tiền nợ theo phương thức mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi tất nợ nH1 không được ông H và bà Đ đồng ý. Bà H1 cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh giữa hai bên có thỏa thuận việc bà được trả dần số nợ hàng tháng hay trả nợ thành nhiều lần. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của bà H1.

[2.4]. Đối với tiền lãi mà bà H1 đã đóng cho ông H và bà Đ từ ngày 26/02/2021 âm lịch đến ngày 26/4/2021 âm lịch là vượt mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nH1 bà H1 không có yêu cầu gì đối với số tiền lãi đã đóng vượt nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà H1 phải có nghĩa vụ trả cho ông H và bà Đ số tiền nợ vay gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 10.790.000 đồng, tổng cộng là 110.790.000 đồng.

[3] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là phù hợp với các nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.539.500 đồng nH1 do bà H1 là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357, 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H và bà Lê Thị Đ cụ thể:

1. Buộc bà Trần Ngọc H1 có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn H và bà Lê Thị Đ số tiền nợ vay gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi là 10.790.000 đồng (Mười triệu bảy trăm chín mươi ngàn đồng), tổng cộng là 110.790.000 đồng (Một trăm mười triệu bảy trăm chín mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Bà Trần Ngọc H1 được miễn toàn bộ án phí.

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 2.686.000 đồng (Hai triệu sáu trăm tám mươi sáu ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007907 ngày 20/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cho ông Lê Văn H và bà Lê Thị Đ.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ^(4b) ;
- TAND tỉnh Bến Tre ^(1b) ;
- VKSND huyện Mô Cày Nam ^(1b) ;
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam ^(1b) ;
- Lưu HS, VP ^(3b) TC:11b .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

